

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về khu công nghệ thông tin tập trung

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,
Chính phủ ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ thông tin tập trung.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về việc thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ thông tin tập trung; tổ chức quản lý hoạt động, cơ chế, chính sách và hoạt động quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư, thành lập, quản lý và các hoạt động khác liên quan đến khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu công nghệ thông tin tập trung là khu tập trung các hoạt động nghiên cứu - phát triển, đào tạo, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp và các hoạt động khác liên quan đến công nghệ thông tin.

2. Chủ đầu tư khu công nghệ thông tin tập trung là tổ chức, cá nhân sở hữu vốn hoặc người đại diện chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 3. Mục tiêu của khu công nghệ thông tin tập trung

Khu công nghệ thông tin tập trung có các mục tiêu sau đây:

1. Hình thành trung tâm về công nghệ thông tin, tạo hạ tầng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin; hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển sản phẩm công nghệ thông tin, phục vụ cho việc đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin;
2. Tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư nhằm thu hút vốn, công nghệ trong và ngoài nước, góp phần xây dựng ngành công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế trọng điểm, quan trọng của quốc gia;
3. Tạo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế, thu hút lao động chất lượng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam;
4. Tạo ra các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin có khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu, góp phần thúc đẩy phát triển các lĩnh vực: Viễn thông, tài chính, ngân hàng, hải quan, hàng không, thương mại, thương mại điện tử và các dịch vụ công cộng, giáo dục, đào tạo, y tế, an ninh, quốc phòng;
5. Góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp Việt Nam; nâng cao vị thế, thương hiệu công nghệ thông tin Việt Nam;
6. Hình thành trung tâm cung cấp hạ tầng và các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung

Khu công nghệ thông tin tập trung có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

1. Thực hiện các hoạt động nghiên cứu - phát triển, ứng dụng, chuyển giao về công nghệ thông tin;
2. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin;
3. Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin;
4. Ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp công nghệ thông tin;
5. Xúc tiến thương mại công nghệ thông tin; tổ chức hội chợ, triển lãm, trình diễn sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin;
6. Xúc tiến đầu tư trong nước và ngoài nước để thúc đẩy hoạt động công nghệ thông tin;

7. Cung cấp hạ tầng, dịch vụ và các điều kiện cần thiết để các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều này.

Điều 5. Tiêu chí khu công nghệ thông tin tập trung

Các tiêu chí của khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

1. Có hoạt động phù hợp các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung được quy định tại Điều 4 Nghị định này;

2. Có ít nhất 2.000 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ thông tin, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu. Đối với các khu chỉ tập trung các cơ sở sản xuất phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin phải có ít nhất 1.000 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ thông tin, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu;

3. Đối với các khu chỉ tập trung các cơ sở sản xuất phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin thì tổng diện tích đất tối thiểu phải đạt 01 ha. Trường hợp khu có thêm các hoạt động khác thì tổng diện tích đất tối thiểu phải đạt 05 ha;

4. Có các phân khu chức năng theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 6. Các hoạt động đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung

Các hoạt động đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

1. Xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ thuật;

2. Nghiên cứu - phát triển, chuyển giao ứng dụng về công nghệ thông tin;

3. Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin;

4. Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;

5. Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin;

6. Ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp công nghệ thông tin; xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư về công nghệ thông tin;

7. Cung cấp dịch vụ phục vụ các hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 7. Tổ chức các phân khu chức năng của khu công nghệ thông tin tập trung

1. Khu công nghệ thông tin tập trung được tổ chức thành 02 nhóm phân khu chức năng chính:

a) Nhóm phân khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

- Phân khu sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin;
- Phân khu nghiên cứu - phát triển, tư vấn, đào tạo, vườn ươm công nghệ thông tin;
- Phân khu văn phòng, trụ sở làm việc phục vụ công tác quản lý, điều hành;
- Phân khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối như điện, nước, viễn thông, xử lý môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các hạ tầng kỹ thuật khác;
- Phân khu trung bày, hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm và truyền thông;
- Phân khu chức năng khác thực hiện các chức năng của khu công nghệ thông tin tập trung.

b) Nhóm phân khu cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

- Phân khu sinh thái và dịch vụ dân sinh;
- Phân khu tài chính hoặc liên kết tài chính, ngân hàng;
- Phân khu nhà ở phục vụ cho chuyên gia làm việc trong khu công nghệ thông tin tập trung;
- Phân khu chức năng khác cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Khu công nghệ thông tin tập trung có thể không có đầy đủ các phân khu chức năng như quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng tổng diện tích đất Nhóm phân khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung phải bảo đảm chiếm tối thiểu 50% diện tích đất xây dựng. Việc bố trí, tổ chức từng phân khu chức năng có thể tập trung hoặc phân tán phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu.

3. Mật độ xây dựng thuần của khu công nghệ thông tin tập trung không quá 40% diện tích đất của khu.

Chương II
THÀNH LẬP, MỞ RỘNG
KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Điều 8. Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung là căn cứ để xem xét việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung; xây dựng quy hoạch, quy hoạch chi tiết, kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ sự phát triển của khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Việc xây dựng và bổ sung quy hoạch tổng thể khu công nghệ thông tin tập trung căn cứ vào các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch sử dụng đất của địa phương; quy hoạch xây dựng vùng và đô thị; quy hoạch kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác. Trong đó ưu tiên phần đất đã được quy hoạch cho xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các khu khác để xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Có các điều kiện thuận lợi hoặc có khả năng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, triển khai đồng bộ và kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung với quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, nhà ở và các công trình xã hội phục vụ lao động làm việc trong khu công nghệ thông tin tập trung;

c) Có đủ điều kiện để phát triển khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

- Có quỹ đất dự trữ để phát triển;
- Có khả năng thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài;
- Có khả năng cung cấp và đáp ứng nhu cầu về lao động;
- Có khả năng liên kết với các trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ thông tin và các trung tâm nghiên cứu - phát triển về công nghệ thông tin.

d) Bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

Điều 9. Điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Điều kiện thành lập khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đã được phê duyệt;

b) Chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung phải phù hợp với các quy định tại Điều 4 Nghị định này;

c) Các khu công nghệ thông tin tập trung đang hoạt động trên địa bàn có diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 60%.

2. Điều kiện mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung đã được cơ bản đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch xây dựng chi tiết;

b) Diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 70%.

Điều 10. Thẩm quyền và trình tự thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung được lập theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

3. Hồ sơ mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung được lập theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

4. Trường hợp thành lập hoặc mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung chưa có trong quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thủ tục trình xin bổ sung khu công nghệ thông tin tập trung vào quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại Điều 8 và Điều 13 Nghị định này.

Điều 11. Hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung

1. Hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Đề án thành lập khu công nghệ thông tin tập trung gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc thành lập;
- Báo cáo phân tích khả năng đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này;
- Đánh giá các điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung;
- Bản mô tả phương hướng phát triển khu, gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ thông tin; định hướng phát triển các khu chức năng, định hướng quy hoạch sử dụng đất; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được;
- Dự toán tổng mức đầu tư, phương thức huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng;
- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng và quản lý khu;
- Phương án quy hoạch khu trên bản đồ quy hoạch;
- Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ thông tin tập trung kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 12. Hồ sơ mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Hồ sơ mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Đề án mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc mở rộng bao gồm cả các dẫn chứng, tài liệu chứng minh phù hợp các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định này;

- Đánh giá các điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung;

- Bản mô tả phương hướng phát triển khu, gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ thông tin; định hướng phát triển các khu chức năng, định hướng quy hoạch sử dụng đất; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được;

- Dự toán tổng mức đầu tư, phương thức huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng và quản lý khu;

- Phương án quy hoạch mở rộng trên bản đồ quy hoạch;

- Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ thông tin tập trung kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;

- Báo cáo tổng thể hoạt động khu công nghệ thông tin tập trung thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 13. Hồ sơ bổ sung khu công nghệ thông tin tập trung vào quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung

1. Hồ sơ bổ sung khu công nghệ thông tin tập trung vào quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Đề án bổ sung khu công nghệ thông tin tập trung vào quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc bổ sung quy hoạch;

- Đánh giá tình hình thực hiện và dự kiến phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn lãnh thổ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Đánh giá hiện trạng xây dựng và phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung đã thành lập và quy hoạch trên địa bàn lãnh thổ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Tên, vị trí, quy mô diện tích, hiện trạng và điều kiện phát triển cụ thể của từng khu công nghệ thông tin tập trung dự kiến bổ sung quy hoạch;

- Đánh giá và giải trình về khả năng đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này;

- Khả năng huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

- Thể hiện phương án quy hoạch phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trên bản đồ quy hoạch.

b) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc bổ sung khu công nghệ thông tin tập trung vào quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 14. Thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung hoặc bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung

1. Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung hoặc bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung hoặc bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung sau đây:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết;

b) Sự phù hợp của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung hoặc bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch sử dụng đất của địa phương; quy hoạch xây dựng vùng và đô thị; quy hoạch kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

c) Các mục tiêu, chỉ tiêu của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung hoặc bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung và bố trí các nguồn lực;

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện tương ứng của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung hoặc bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

đ) Các giải pháp thực hiện và tính khả thi của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung hoặc bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ Hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung hoặc bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan;

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được quy định nêu tại Điều 11, Điều 12 hoặc Điều 13 Nghị định này, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung hồ sơ. Thời gian bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành có ý kiến gửi Bộ Thông tin và Truyền thông;

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức cuộc họp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm rõ những vấn đề liên quan.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 15. Thời hạn bảo đảm xây dựng và vận hành khai thác khu công nghệ thông tin tập trung

Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày được bàn giao đất đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung phải bảo đảm cơ bản hoàn thành việc xây dựng hạ tầng cơ sở như: Đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, xử lý nước thải và môi trường để cung cấp cho các nhà đầu tư.

Chương III

CÔNG NHẬN KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Điều 16. Nguyên tắc, thẩm quyền và điều kiện công nhận khu công nghệ thông tin tập trung

1. Các loại hình khu khác đang hoạt động có chức năng phù hợp quy định tại Điều 4 và đạt các tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này được xem xét công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Các khu được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung phải thực hiện đúng chức năng quy định tại Điều 4, các tiêu chí quy định tại Điều 5 và chỉ được thu hút các hoạt động đầu tư quy định tại Điều 6 Nghị định này.

4. Việc công nhận khu công nghệ thông tin tập trung là căn cứ để áp dụng chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung. Các khu được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung được bổ sung vào quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 17. Hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung

1. Hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc công nhận khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung;

c) Báo cáo tổng thể hoạt động khu bao gồm các nội dung:

- Tổng quan về khu (quá trình hình thành phát triển, mô hình tổ chức quản lý; tổng mức đầu tư qua các thời kì,...);

- Thuyết minh sự phù hợp các tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này và các tài liệu giải trình kèm theo;

- Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư;

- Báo cáo tài chính;

- Báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội và môi trường;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý khu sau khi được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung;

- Bản mô tả phương hướng phát triển khu gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ thông tin.

2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 18 Nghị định này.

Điều 18. Thẩm định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung

1. Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Thẩm định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung sau đây:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết của việc công nhận khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Khả năng đáp ứng các tiêu chí khu công nghệ thông tin tập trung quy định tại Điều 5 Nghị định này;

c) Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý khu sau khi được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ Hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, Bộ Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành có ý kiến gửi Bộ Thông tin và Truyền thông;

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức cuộc họp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm rõ những vấn đề liên quan;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Chương IV **TỔ CHỨC QUẢN LÝ, HOẠT ĐỘNG TRONG** **KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG**

Điều 19. Mô hình, chức năng của Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung

1. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Tổ chức quản lý và ban hành quy chế hoạt động.

2. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung

Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Quản lý các hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật;
2. Thực hiện các hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư;
3. Góp ý các dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung;
4. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghệ thông tin tập trung;
5. Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước.

Chương V
CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI
KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Điều 21. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung

Chủ đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi sau đây:

1. Được Nhà nước hỗ trợ đầu tư cung cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài khu (đường giao thông, điện, nước sạch, tiêu thoát nước và các hạ tầng khác), tổ chức hệ thống giao thông vận chuyển hành khách công cộng đến khu công nghệ thông tin tập trung;
2. Được Nhà nước hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung;
3. Được tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện thủ tục giao đất, thuê đất;
4. Được giảm 50% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước tùy theo hình thức lựa chọn giao đất hoặc thuê đất;
5. Được quyết định giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; được chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê đất, cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghệ thông tin tập trung cho nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về kinh doanh bất động sản;

6. Được hưởng các ưu đãi của Nhà nước về sử dụng điện, nước, viễn thông theo quy định của pháp luật;

7. Được hưởng các chính sách ưu đãi tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

8. Được huy động vốn dưới dạng trái phiếu dự án theo quy định của pháp luật;

9. Được huy động vốn từ quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai để thực hiện dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ chung trong khu công nghệ thông tin tập trung;

10. Được huy động vốn thông qua hình thức cho nhà đầu tư (trừ đối tượng được quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 3 của Luật đầu tư) có khả năng về tài chính và kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư thuê lại một phần hoặc toàn bộ diện tích đất chưa cho thuê để đầu tư và cho thuê lại đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong khu công nghệ thông tin tập trung;

11. Được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội không kinh doanh theo quy định của pháp luật;

12. Được tính chi phí đầu tư xây dựng, vận hành các công trình kết cấu hạ tầng xã hội phục vụ khu công nghệ thông tin tập trung vào chi phí hợp lý để tính thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp;

13. Được hưởng các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng khu công nghệ cao.

Điều 22. Hỗ trợ, ưu đãi cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung

Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại khu công nghệ thông tin tập trung được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi sau đây:

1. Được lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất hoặc thuê lại đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung. Đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin có quy mô lớn cần đặc biệt thu hút

đầu tư, thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá 30 năm. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thêm thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi 10% quy định tại Khoản này theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

3. Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định và phục vụ sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của doanh nghiệp, bao gồm:

a) Thiết bị, máy móc;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ trong nước chưa sản xuất được; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thủy;

c) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này;

d) Nguyên liệu, vật tư trong nước chưa sản xuất được dùng để chế tạo thiết bị, máy móc nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc quy định tại Điểm a Khoản này;

đ) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

4. Được hưởng các ưu đãi về thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật;

5. Được tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hải quan trong quá trình xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin;

6. Được hưởng các ưu đãi về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;

7. Được hưởng các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao. Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng được hưởng nhiều mức ưu đãi theo quy định của pháp luật thì áp dụng mức ưu đãi cao nhất.

Điều 23. Điểm thông quan trong khu công nghệ thông tin tập trung

1. Khu công nghệ thông tin tập trung được phép mở điểm thông quan trong khu theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết các thủ tục và điều kiện thành lập điểm thông quan trong khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 24. Quản lý quy hoạch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật

1. Việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình trong khu công nghệ thông tin tập trung phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung quản lý hồ sơ quy hoạch, thiết kế kỹ thuật và biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước, Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung hướng dẫn và giám sát các nhà đầu tư thực hiện việc xây dựng theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

4. Các công trình giao thông, cấp điện, nước, hạ tầng truyền thông ngoài địa giới khu công nghệ thông tin tập trung do các doanh nghiệp thực hiện theo yêu cầu của Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung phải phù hợp với quy hoạch và tiến độ xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 25. Vốn đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, vốn nhà nước được bố trí cho các nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập quy hoạch chi tiết, công tác chuẩn bị đầu tư;
- b) Giải phóng mặt bằng, rà, phá bom, mìn, vật liệu nổ, san lấp mặt bằng, tái định cư;
- c) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm: Hạ tầng giao thông, truyền thông, điện, nước, xử lý môi trường;
- d) Xây dựng trụ sở Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung;
- đ) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phân khu đào tạo, phân khu nghiên cứu - phát triển công nghệ thông tin;
- e) Các chi phí khác phục vụ công tác quản lý thực hiện đầu tư xây dựng của Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung;

2. Việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu vực còn lại được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn khác, trong đó ưu tiên huy động các nguồn vốn khác để thực hiện.

3. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, tùy theo điều kiện thực tế của từng khu, Nhà nước có thể xem xét ưu tiên hỗ trợ một phần kinh phí cho các nội dung từ Điểm a đến Điểm c Khoản 1 Điều này.

Chương VI **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI** **KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG**

Điều 26. Nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình và cơ chế, chính sách phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Quy định và hướng dẫn việc thành lập, xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động của khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận, tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ thông tin tập trung.

4. Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về khu công nghệ thông tin tập trung.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá hiệu quả đầu tư; kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, phát triển và hoạt động khu công nghệ thông tin tập trung.

6. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc bảo đảm các tiêu chí của khu công nghệ thông tin tập trung; việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật tại khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 27. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung trong phạm vi cả nước trên cơ sở phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này; chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển và ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về khu công nghệ thông tin tập trung trên phạm vi cả nước;

b) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung;

d) Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng và công nhận khu công nghệ thông tin tập trung; bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

đ) Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin toàn quốc về khu công nghệ thông tin tập trung; đánh giá hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của mình đối với hoạt động của khu công nghệ thông tin tập trung hoặc ủy quyền cho Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại Điều 7 Nghị định này; thẩm định và phê duyệt thiết kế cơ sở của dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung; quyết định sử dụng vốn nhà nước để hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Thẩm định, phê duyệt hoặc ủy quyền cho Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận; tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ thông tin tập trung;

d) Quy hoạch đất xây dựng khu tái định cư, khu nhà ở cho chuyên gia và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng; hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà ở cho chuyên gia, khu tái định cư, công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội

theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh quá trình đầu tư và phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

đ) Chỉ đạo thực hiện việc thu hồi diện tích đất, mặt nước, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định canh, tái định cư và thực hiện các thủ tục cho thuê hoặc giao đất trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan;

e) Chỉ đạo các tổ chức có liên quan lập kế hoạch đầu tư và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghệ thông tin tập trung như: Đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, cấp thoát nước, truyền thông, cơ sở đào tạo nghề, nhà ở, cơ sở khám chữa bệnh, trường học và các công trình công cộng khác đáp ứng nhu cầu phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

g) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và giám sát việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ giải quyết hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước khác đối với khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.
2. Các quy định tại Chương III Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Các khu công nghệ thông tin tập trung được công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà được Bộ Thông tin và Truyền thông xác nhận đáp ứng được các tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này thì không phải thực hiện lại các thủ tục công nhận và được hưởng các chính sách quy định tại Nghị định này.
4. Đối với các khu công nghệ thông tin tập trung được công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà không đáp ứng được các tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này thì trong thời hạn 02 năm phải hoàn thành các thủ tục công nhận theo quy định tại Nghị định này.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).xh 300

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng